TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2025
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Quế

2. Ông SOROLES

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Tấn Bửu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị SK NA, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ 07, ấp P S, xã C P, thị xã T C, tỉnh A G; chỗ ở hiện nay: 45/24/9, đường C L, P 4, Q 8, Thành phố HCM (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bành T H, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ 03, đường C V L, khóm L T D, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị SK NA trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị SK NA và anh Bành T H chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C P, thị xã T C theo giấy chứng nhận kết hôn số 132/2010 cấp ngày 10/8/2010.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị SK NA cho rằng anh Bành T H không chăm lo gia đình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay xảy ra cải vã, vợ chồng cũng không còn thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau nên không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay. Chị SK NA cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Bành T H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị SK NA và anh Bành T H có một con chung tên: Bành H M, sinh ngày 14/12/2010, hiện nay đang sống chung và do chị SK NA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị SK NA yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Hứng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị SK NA trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bành T H có đăng ký thường trú tại: Tổ 03, đường C V L, khóm L T D, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G. Tại thời điểm giải quyết vụ án, anh Hứng không có mặt tại nơi cư trú và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không ghi được lời khai nhưng đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, chị SK NA không có ý kiến.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham giam gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bành T H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị SK NA được ly hôn với anh Bành T H.

- Về con chung: Giao cháu Bành H M, sinh ngày 14/12/2010 cho chị SK NA được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Bành T H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị SK NA trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị SK NA phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị SK NA khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bành T H có đăng ký thường trú tại: Tổ 03, đường C V L, khóm L T D, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Anh Bành T H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hứng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị SK NA và anh Bành T H sống chung có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C P, thị xã T C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 132/2010 cấp ngày 10/8/2010 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị SK NA cho rằng anh Hứng không chăm lo và quan tâm đến cuộc sống hạnh phúc gia đình, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Do không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị SK NA yêu cầu được ly hôn với anh Bành T H.

Xét thấy, anh Bành T H không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án, do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh Hứng nhưng theo biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 21/01/2025 thì được biết chị SK NA và anh Hứng sống chung không có hạnh phúc từ năm 2021 cho đến nay. Mặc dù gia đình hai bên và chị SK NA với anh Hứng cũng đã nhiều lần có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục sống chung lại với nhau nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho chị SK NA và anh Hứng đoàn tụ, sống chung lại với nhau nhưng anh Hứng không đến để giải quyết vụ án, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị SK NA và anh Hứng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần cho chị SK NA ly hôn với anh Hứng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2010 do Uỷ ban nhân dân xã C P, thị xã T C, tỉnh An Giang cấp ngày 10/8/2010 cho chị SK NA và anh Bành T H không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: chị SK NA và anh Bành T H có một con chung tên: Bành H M, sinh ngày 14/12/2010. Chị SK NA yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Hứng cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kể từ khi chị SK NA và anh Hứng không còn chung sống với nhau, cháu Bành H M do chị SK NA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo việc học hành, đã sinh sống ổn định với chị SK NA. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần tạm giao hai cháu Bành H M cho chị SK NA được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Mi và có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị SK NA trình bày trong thời gian chung sống với anh Bành T H không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung, nhưng do chưa ghi được lời khai của anh Hứng, ngoài lời khai của chị SK NA không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh chị SK NA với anh Hứng có tài sản chung và nợ chung hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị SK NA phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị SK NA.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị SK NA được ly hôn với anh Bành T H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Bành H M, sinh ngày 14/12/2010 cho chị SK NA được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Hứng không cấp dưỡng nuôi con.

Chị SK NA cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Bành T H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm

quyền, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị SK NA phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008741 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị SK NA có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Bành T H được quyền kháng cáo trong thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND xã Châu Phong;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Phạm Minh Sang